

Số: 725/QĐ-XHNV-SĐH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-ĐHQG ngày 24/3/2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ”;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng các trường đại học thuộc Đại học Quốc gia được quy định trong “Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên” ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Trường Phòng Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy định tổ chức và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông/Bà Trường Phòng Sau đại học, Trường các Phòng/Ban, Trường các Khoa/Bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQG-HCM (để báo cáo)
- Lưu: HC-TH, SĐH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Võ Văn Sen

QUY ĐỊNH TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 725./QĐ-XHNV-SĐH, ngày 15 tháng 8 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐH KHXH&NV) – Đại học Quốc gia TP HCM (ĐHQG-HCM), bao gồm: quy định chung; chương trình đào tạo; hoạt động đào tạo; quyền và nghĩa vụ của giảng viên, học viên; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại; tố cáo và xử lý vi phạm; tổ chức thực hiện.
2. Quy định này không áp dụng đối với chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết với cơ sở đào tạo nước ngoài, do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo trình độ thạc sĩ nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học ngành hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng nghiên cứu; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo.

Điều 3. Hình thức, ngôn ngữ đào tạo

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc loại hình đào tạo chính quy và được thực hiện theo hai hình thức: toàn thời gian và bán thời gian.
 - a) Đào tạo toàn thời gian là hình thức đào tạo mà người học phải dành toàn bộ thời gian cho học tập và nghiên cứu tại cơ sở đào tạo;
 - b) Đào tạo bán thời gian là hình thức đào tạo mà người học được dành một phần thời gian cho công việc khác, nhưng tổng thời gian dành cho học tập và nghiên cứu tại cơ sở đào tạo phải bằng thời gian đào tạo theo hình thức toàn thời gian.
2. Khối lượng, nội dung chương trình học tập và yêu cầu đào tạo của hai hình thức đào tạo toàn thời gian và bán thời gian là như nhau.
3. Ngôn ngữ dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ là tiếng Việt. Việc đào tạo thạc sĩ bằng ngôn ngữ nước ngoài do Hiệu trưởng quyết định và báo cáo ĐHQG-HCM.

Điều 4. Khóa đào tạo, năm học, học kỳ, thời gian đào tạo

1. Chương trình đào tạo được thực hiện theo khóa đào tạo, năm học và học kỳ.
 - a) Khóa đào tạo là thời gian thiết kế để học viên hoàn thành một chương trình đào tạo theo hình thức toàn thời gian;

b) Một năm học có ít nhất hai học kỳ.

2. Thời gian tối đa hoàn thành một chương trình đào tạo (bao gồm cả thời gian nghỉ học tạm thời quy định tại khoản 1 Điều 24 của Quy định này) không vượt quá 48 tháng.

3. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ: 02 năm. Thời gian học tập của học viên căn cứ theo thời điểm chương trình chính thức bắt đầu của khóa tương ứng, được ghi rõ theo quyết định công nhận học viên nhập học. Thời gian bảo lưu kết quả trúng tuyển không quá 30 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận học viên trúng tuyển.

Điều 5. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tín chỉ

a) Tín chỉ là đơn vị tính khối lượng học tập của học viên bao gồm tiết học, giờ học dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên và giờ tự học;

b) Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc luận văn;

c) Một tiết học được quy định bằng 50 phút.

2. Môn học

a) Môn học, môn chuyên đề nghiên cứu (sau đây gọi chung là môn học) là khối lượng kiến thức học viên cần tích lũy trong quá trình học tập; nội dung được phân bố giảng dạy trong một học kỳ. Thời lượng tối thiểu của môn học là 2 tín chỉ;

b) Nội dung môn học bao gồm giảng dạy lý thuyết và thực hành (bài tập; thí nghiệm; thực hành; tiểu luận), trong đó phần thực hành phải đảm bảo tối thiểu là 25% thời lượng môn học;

c) Môn học có hai loại gồm bắt buộc và tự chọn: Môn học bắt buộc gồm những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và học viên bắt buộc phải tích lũy; Môn học tự chọn gồm những nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp khác nhau của học viên trong một ngành, học viên được lựa chọn theo hướng dẫn của cơ sở đào tạo hoặc tự chọn để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình liên quan.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được Nhà trường cam kết với người học, xã hội và công bố công khai trên website của cơ sở đào tạo.

4. Ngành đào tạo: Ngành đào tạo là một tập hợp những kiến thức và kỹ năng chuyên môn của một lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp, khoa học nhất định. Ngành đào tạo bao gồm nhiều chuyên ngành đào tạo.

CHƯƠNG II

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 6. Yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình đào tạo

Các Khoa/Bộ môn khi xây dựng chương trình phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Mỗi chương trình đào tạo gắn với một ngành đào tạo theo danh mục cấp IV trình độ thạc sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hoặc được ĐHQG-HCM cho phép đào tạo thí điểm.
2. Căn cứ vào kế hoạch chiến lược của Khoa/Bộ môn và nhu cầu thực tế của việc sử dụng nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ để xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ nghiên cứu, định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng.
3. Xác định rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra của mỗi chương trình đào tạo; khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình và yêu cầu đối với luận văn phù hợp với loại chương trình đào tạo và phù hợp với các quy định hiện hành.
4. Đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu 60 tín chỉ cho hai năm học.
5. Nội dung chương trình hướng vào việc thực hiện mục tiêu và đạt được chuẩn đầu ra đã được xác định; đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; nâng cao năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành đào tạo.

Điều 7. Loại chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ gồm 03 loại: chương trình đào tạo thạc sĩ nghiên cứu, chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu và chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng.

- 1) Chương trình đào tạo thạc sĩ nghiên cứu: cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên sâu, người học có đầy đủ các kỹ năng về tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và nghiên cứu độc lập để chủ động khám phá, phát triển các quan điểm, ý tưởng, luận thuyết khoa học mới về vấn đề khoa học hoặc thực nghiệm khoa học, có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Thời lượng phân bố tập trung nhiều vào thời gian nghiên cứu và thực hiện luận văn. Kết quả nghiên cứu được trình bày trong bài báo khoa học về kết quả luận văn thạc sĩ do học viên là tác giả chính;
- 2) Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu: cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ;
- 3) Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng: giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số

kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 8. Yêu cầu và cấu trúc của chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường ĐH KHXH&NV là chương trình đào tạo áp dụng đại trà, khối lượng học tập tối thiểu 60 tín chỉ với cấu trúc của chương trình đào tạo gồm ba phần: kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, luận văn thạc sĩ.

a) Phần kiến thức chung bao gồm:

- Môn Triết học hoặc môn Lịch sử Văn hóa Việt Nam (môn Lịch sử Văn hóa Việt Nam dành cho đối tượng học viên là người nước ngoài). Môn Triết học có khối lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Môn Lịch sử Văn hóa Việt Nam tối thiểu 3 tín chỉ;

- Môn ngoại ngữ là môn học điều kiện (không tính trong số tín chỉ của chương trình đào tạo), là một trong các thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật. Kết quả đánh giá môn ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình tích lũy. Khối lượng học tập học phần ngoại ngữ tối thiểu 06 tín chỉ.

b) Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành: bao gồm các môn học bắt buộc và môn học tự chọn. Trong đó, các môn học tự chọn chiếm tối thiểu 30% khối lượng chương trình đào tạo. Thủ trưởng cơ sở đào tạo phải tổ chức xây dựng số môn học tự chọn nhiều hơn số môn học mà học viên được chọn;

c) Luận văn thạc sĩ: luận văn thạc sĩ là một công trình khoa học, do học viên thực hiện dưới sự hướng dẫn của tập thể hướng dẫn và được thủ trưởng cơ sở đào tạo phê duyệt.

- Luận văn thạc sĩ của chương trình nghiên cứu có khối lượng tối thiểu 20 tín chỉ;

- Luận văn thạc sĩ của chương trình định hướng nghiên cứu có khối lượng tối thiểu 10 tín chỉ;

- Luận văn thạc sĩ của chương trình định hướng ứng dụng có khối lượng tối thiểu 7 tín chỉ.

d) Đối với chương trình nghiên cứu, học viên phải là tác giả chính của ít nhất một công bố khoa học liên quan đến nội dung luận văn, được chấp nhận đăng trong danh mục do Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước quy định;

2. Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế: được thực hiện theo quy định riêng do Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 9. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu ra là quy định về kiến thức; kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, công việc của người học mà người học có thể đảm nhận được sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, từng chuyên ngành đào tạo.

2. Xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra là yêu cầu bắt buộc khi xây dựng chương trình đào tạo để công khai với xã hội và người học; lấy đó làm cơ sở xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, quản lý đào tạo, phương pháp dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá.

3. Chuẩn đầu ra bao gồm các nội dung:

a) Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

- Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo;
- Kiến thức liên ngành có liên quan;
- Kiến thức chung về quản trị và quản lý.

b) Chuẩn về kỹ năng

- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học;
- Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác;
- Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến;
- Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.

c) Chuẩn về mức tự chủ và trách nhiệm

- Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng;
- Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác;
- Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn;
- Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

d) Vị trí việc làm của người học có khả năng đảm nhận sau khi tốt nghiệp;

đ) Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.

4. Chuẩn ngoại ngữ đầu ra của các chương trình đào tạo thạc sĩ tại ĐH KHXH&NV được quy định như sau:

a) Đối với ngoại ngữ là tiếng Anh: Theo quy định tại Phụ lục I của Quy định này;

b) Đối với các ngoại ngữ khác tiếng Anh: chứng nhận do Trường ĐH KHXH&NV cấp và các chứng chỉ theo quy định tại Phụ lục I của Quy định này;

c) Đối với học viên có giấy chứng nhận điểm ngoại ngữ đạt từ 50 điểm trở lên đối với trình độ thạc sĩ trong kỳ tuyển sinh sau đại học do ĐHQG-HCM tổ chức hoặc có chứng chỉ, chứng nhận, chứng chỉ tiếng Anh nội bộ do các đơn vị trong nước cấp thì phải có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định tại Phụ lục I của Quy định này.

Điều 10. Quản lý chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trong hồ sơ mở ngành, hoặc chương trình sửa đổi được Hiệu trưởng phê duyệt lần mới nhất là căn cứ pháp lý để tổ chức và quản lý đào tạo ngành liên quan.

2. Chương trình đào tạo không thay đổi đối với một khóa tuyển sinh và được phổ biến đến thí sinh khi làm hồ sơ tuyển sinh. Việc sửa đổi chương trình đào tạo chỉ được áp dụng với khóa tuyển sinh mới.

3. Ngoài các môn học chung do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQG-HCM quy định, tùy theo yêu cầu, Khoa/Bộ môn được quyền điều chỉnh, bổ sung khi cần thiết nhưng phải được Hiệu trưởng phê duyệt.
4. Chương trình đào tạo phải được rà soát định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần.
5. Quy trình và tổ chức xây dựng chương trình đào tạo; Quy trình thẩm định, ban hành chương trình đào tạo và giao nhiệm vụ đào tạo; Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá chương trình đào tạo; Quy định đình chỉ tuyển sinh chương trình đào tạo và thu hồi nhiệm vụ đào tạo: áp dụng theo các quy chế, quy định hiện hành.

CHƯƠNG III

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 11. Tổ chức đào tạo

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo học chế tín chỉ.
2. Các khóa học trình độ thạc sĩ được tổ chức tập trung toàn bộ thời gian cho việc học tập nghiên cứu để thực hiện chương trình đào tạo. Riêng đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, Khoa/Bộ môn có thể tổ chức tập trung từng đợt với điều kiện tổng thời gian tập trung để hoàn thành chương trình phải bằng thời gian theo quy định tại Khoản 3, Điều 4 Quy định này. Trong trường hợp này, thời gian để hoàn thành khóa học theo kế hoạch phải dài hơn thời gian thiết kế để hoàn thành chương trình đào tạo và phải tuân thủ quy định tại Khoản 3, Điều 4 Quy định này.
3. Việc tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo thạc sĩ phải được thực hiện bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên.
4. Đầu khóa học, Phòng Sau đại học xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa, Khoa/Bộ môn phải thông báo cho học viên về chương trình đào tạo toàn khóa, đề cương chi tiết các môn học trong chương trình; kế hoạch học tập; kế hoạch kiểm tra, thi, thi lại; thời gian tổ chức bảo vệ luận văn; các quy định khác có liên quan đến khóa học.
5. Đề cương chi tiết học phần phải rõ các nội dung: mục tiêu, số tín chỉ, môn học tiên quyết, nội dung, hình thức tổ chức dạy học, hình thức và phương pháp đánh giá, học liệu của môn học và các nội dung khác theo yêu cầu của môn học và theo quy định của cơ sở đào tạo.
6. Học phần ngoại ngữ không bắt buộc học viên phải học tại cơ sở đào tạo. Nhà trường sẽ tổ chức giảng dạy (căn cứ vào số lượng học viên đăng ký) và đánh giá môn học theo quy định tại Khoản 3, Điều 18 của Quy định này.
7. Khung điểm cho việc chấm luận văn và mẫu phiếu chấm luận văn (xem Phụ lục II của Quy định này).
8. Phòng Thanh tra – Pháp chế có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra việc biên soạn đề cương chi tiết, việc thực hiện kế hoạch đào tạo, lịch trình giảng dạy và đánh giá môn học của giảng viên.

Điều 12. Trách nhiệm của Khoa/Bộ môn

1. Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các ngành được giao; lập hồ sơ mở ngành mới khi đủ điều kiện.
2. Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được Hiệu trưởng phê duyệt khi đăng ký mở ngành đào tạo.
3. Quản lý việc học tập và nghiên cứu của học viên, quản lý việc thi giữa kỳ, thi hết môn, quản lý bảng điểm học tập đồng thời chuyển bảng điểm gốc về Phòng Sau đại học trong thời gian 02 tuần sau khi thi kết thúc môn học.
4. Quản lý kinh phí, khai thác, tạo nguồn bổ sung, sử dụng và quản lý các nguồn lực khác trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định hiện hành.

5. Công bố công khai các văn bản quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ; chương trình đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy; các đề tài luận văn đã thực hiện, danh sách học viên tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ trên trang thông tin điện tử của Khoa/Bộ môn.
6. Đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục với Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng; thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm định chất lượng giáo dục.
7. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ theo quy định.

Điều 13. Địa điểm đào tạo

1. Địa điểm đào tạo trình độ thạc sĩ là trụ sở của Trường tại cơ sở Quận 1, TP HCM. Trong trường hợp cần thiết, đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, Hiệu trưởng cho phép hoặc quyết định việc tổ chức đào tạo một phần chương trình ở ngoài cơ sở đào tạo theo quy định của ĐHQG-HCM.
2. Các học phần được phép tổ chức đào tạo ở ngoài cơ sở đào tạo bao gồm:
 - a) Các học phần lý thuyết của chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng cần có số liệu, mô hình thực tế để minh họa, áp dụng nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, kết hợp lý thuyết với thực tiễn;
 - b) Các học phần liên quan đến nghề nghiệp yêu cầu sử dụng trang thiết bị hiện đại ở doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, luận văn tốt nghiệp cần nghiên cứu, ứng dụng thực tế bên ngoài cơ sở đào tạo.
3. Nơi tổ chức đào tạo
 - a) Các học phần quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này có thể tổ chức đào tạo tại phân hiệu của ĐHQG-HCM hoặc tại một trường đại học thuộc khu vực Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Trong trường hợp địa bàn khu vực này không có trường đại học thì có thể tổ chức đào tạo tại trường cao đẳng. Tại các khu vực khác, phải tổ chức đào tạo tại một cơ sở đào tạo hoặc phân hiệu của cơ sở đào tạo được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ. Trường hợp địa phương không có cơ sở đào tạo thạc sĩ thì có thể tổ chức đào tạo tại trường đại học;
 - b) Nơi tổ chức đào tạo các học phần quy định tại Khoản 4 Điều này phải đảm bảo: có đầy đủ các điều kiện để đảm bảo chất lượng đào tạo, có thư viện và thư viện điện tử cho giảng viên và học viên tra cứu và sử dụng trong giảng dạy, học tập các học phần này; có sự phối hợp trong công tác quản lý đào tạo; có sự đồng ý bằng văn bản của ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đào tạo;
 - c) Đối với các học phần quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này, địa điểm tổ chức đào tạo phải đáp ứng yêu cầu của học phần này và đảm bảo: có môi trường sư phạm để thực hiện hoạt động đào tạo; an toàn cho người học, người dạy; có cam kết của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đồng ý cho phép sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo.

Điều 14. Chứng chỉ bồi dưỡng sau đại học

1. Bồi dưỡng sau đại học là phương pháp đào tạo không chính quy nhằm cung cấp những kiến thức mới, bổ sung, cập nhật và hiện đại hóa các kiến thức đã học, đáp ứng các nhu cầu cấp thiết đang đặt ra trong công việc và nghề nghiệp của những người đã có bằng đại

học hoặc sau đại học. Bồi dưỡng sau đại học được khuyến khích tổ chức đều đặn tại các Khoa/Bộ môn.

2. Hiệu trưởng sẽ xem xét quyết định công nhận chứng chỉ bồi dưỡng sau đại học và tín chỉ tích lũy được công nhận cho môn học tương ứng thuộc chương trình đào tạo. Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ bồi dưỡng sau đại học là 3 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ. Tổng số tín chỉ được công nhận tích lũy từ chứng chỉ bồi dưỡng sau đại học tối đa là 50% tổng số tín chỉ yêu cầu tích lũy đối với chương trình đào tạo liên quan.

Điều 15. Điều kiện đăng ký theo học chương trình nghiên cứu

Để được học chương trình nghiên cứu, học viên phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Thực hiện thủ tục đăng ký học chương trình nghiên cứu trong thời gian đăng ký học tập của học kỳ.
2. Có giấy cam kết đảm bảo thời gian học tập theo hình thức toàn thời gian.
3. Có giấy chấp thuận hướng dẫn luận văn của người hướng dẫn, có xác nhận của Khoa/Bộ môn đào tạo đảm bảo điều kiện nghiên cứu cho học viên.

Điều 16. Quy định công bố khoa học đối với chương trình nghiên cứu

1. Học viên phải là tác giả chính của ít nhất một công bố khoa học liên quan đến nội dung luận văn, được chấp nhận đăng trong danh mục do Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước quy định.
2. Trường hợp học viên chương trình nghiên cứu không thể hoàn thành công bố khoa học để được bảo vệ luận văn, học viên phải tích lũy đầy đủ số tín chỉ môn học qui định đối với chương trình định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng trong thời hạn của khóa đào tạo liên quan.

Điều 17. Đăng ký môn học liên thông

Đối với ngành được tổ chức đào tạo đồng thời ở nhiều cơ sở đào tạo của ĐHQG-HCM, học viên được quyền đăng ký môn học và tích lũy không quá 15% tín chỉ lựa chọn ở cơ sở đào tạo khác cùng tổ chức đào tạo ngành và được sự đồng ý của thủ trưởng cơ sở đào tạo nơi quản lý học viên.

Điều 18. Thi, kiểm tra, đánh giá

1. Quy định chung: Môn học được đánh giá bởi các điểm thành phần (bài tập, kiểm tra thường kỳ, tiểu luận, thi kết thúc môn học) và điểm tổng kết. Kiểm tra và thi kết thúc môn học có thể theo hình thức tự luận, trắc nghiệm hoặc vấn đáp. Số điểm thành phần ít nhất là 2, trong đó điểm thi kết thúc môn học là thành phần bắt buộc cho mọi học viên và có trọng số không dưới 50%. Việc đánh giá môn học phải đảm bảo các yêu cầu sau:
 - a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai, minh bạch các quy định về đánh giá và kết quả đánh giá môn học;
 - b) Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết;
 - c) Đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết của môn học;
 - d) Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc môn học;
 - đ) Kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp...) phù hợp với yêu cầu của môn học;

e) Kết hợp đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học.

2. Tổ chức đánh giá môn học:

a) Giảng viên môn học có trách nhiệm phối hợp với Khoa/Bộ môn tổ chức thực hiện kiểm tra thường kỳ, bài tập, tiểu luận theo đề cương môn học;

b) Bộ môn và giảng viên phụ trách môn học có trách nhiệm phối hợp với Khoa/Bộ môn tổ chức thi kết thúc môn học. Đề thi phải phù hợp với nội dung môn học;

c) Hàng năm Khoa/Bộ môn phải tổ chức nghiên cứu, phân tích kết quả thi hay kiểm tra các môn học trong chương trình đào tạo để ra đề thi một cách khoa học, đảm bảo tính chính xác và công bằng trong kiểm tra, đánh giá;

d) Việc chấm kiểm tra thường kỳ, bài tập, tiểu luận, thi kết thúc môn học do giảng viên môn học đảm nhiệm. Trường hợp có nhiều hơn một giảng viên chấm điểm mà kết quả điểm không thống nhất thì các giảng viên chấm điểm trình trưởng bộ môn quyết định;

đ) Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10, được làm tròn đến 0,5 điểm;

e) Điểm tổng kết môn học là điểm trung bình theo trọng số các điểm đánh giá thành phần lấy đến 1 chữ số thập phân. Môn học đạt yêu cầu khi điểm tổng kết đạt từ 5,5 trở lên;

f) Điểm đánh giá thành phần và điểm tổng kết phải được ghi đầy đủ trong bảng điểm môn học theo biểu mẫu do Trường quy định, có chữ ký của giảng viên phụ trách môn học và trưởng bộ môn. Bảng điểm môn học phải được lưu giữ theo quy định hiện hành.

3. Đối với môn học ngoại ngữ (bao gồm cả ngoại ngữ thứ hai cho học viên theo học ngành ngôn ngữ nước ngoài): học viên tích lũy tín chỉ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương tại Phụ lục I.

4. Việc tổ chức đánh giá môn học, xử lý khiếu nại, vi phạm trong quá trình đánh giá môn học được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 19. Luận văn thạc sĩ

1. Đề tài luận văn

a) Đề tài luận văn do trưởng đơn vị chuyên môn công bố hoặc do học viên đề xuất, có đề cương nghiên cứu kèm theo, được người hướng dẫn và trưởng đơn vị chuyên môn đồng ý;

b) Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài cho học viên, cử người hướng dẫn và tổ chức bảo vệ luận văn;

c) Trong quá trình thực hiện luận văn, trưởng đơn vị chuyên môn chịu trách nhiệm về tên và nội dung đề tài luận văn. Việc thay đổi đề tài trước khi tổ chức bảo vệ luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định trên cơ sở đơn đề nghị của học viên, được người hướng dẫn và trưởng đơn vị chuyên môn đồng ý.

2. Yêu cầu đối với luận văn

a) Theo Điểm c Điều 8;

b) Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào.

3. Cách thức trình bày luận văn: học viên tham khảo Phụ lục III của Quy định này.

Điều 20. Hướng dẫn luận văn và điều kiện bảo vệ luận văn

1. Hướng dẫn luận văn

- a) Mỗi luận văn có một hoặc hai người hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn cần ghi rõ người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai;
- b) Người có chức danh giáo sư được hướng dẫn tối đa 7 học viên; người có học vị tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh phó giáo sư được hướng dẫn tối đa 5 học viên; người có học vị tiến sĩ từ 1 năm trở lên được hướng dẫn tối đa 3 học viên trong cùng thời gian;
- c) Riêng đối với luận văn thuộc chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng thì người hướng dẫn thứ hai có thể là người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 15 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài; được hướng dẫn tối đa 2 học viên trong cùng thời gian.

2. Điều kiện bảo vệ luận văn

- a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình tích lũy các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên hoặc được nợ tối đa 1 môn (từ 2 tín chỉ đến 4 tín chỉ) yêu cầu tích lũy đối với chương trình đào tạo liên quan theo quy định tại Điều 8 của Quy định này;
- b) Đạt trình độ ngoại ngữ được bảo vệ luận văn trước khi công nhận tốt nghiệp theo quy định;
- c) Có đơn đề nghị bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 19 Quy định này;
- d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;
- đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn;
- e) Luận văn được tập thể hướng dẫn đồng ý cho bảo vệ.

Điều 21. Hội đồng đánh giá luận văn

1. Hội đồng đánh giá luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của trưởng đơn vị chuyên môn và trưởng đơn vị quản lý đào tạo sau đại học, trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, tính từ ngày học viên nộp luận văn và đủ điều kiện bảo vệ theo quy định tại Khoản 2, Điều 20 Quy định này.

2. Hội đồng đánh giá luận văn có 05 thành viên, gồm: chủ tịch, thư ký, hai phản biện và ủy viên. Hội đồng có tối thiểu hai thành viên ở ngoài cơ sở đào tạo; trong đó, ít nhất có một người là phản biện.

3. Yêu cầu đối với thành viên hội đồng đánh giá luận văn

- a) Các thành viên hội đồng là những người có học vị tiến sĩ hoặc có chức danh phó giáo sư, giáo sư cùng ngành đào tạo với học viên; người có học vị tiến sĩ hoặc có chức danh phó giáo sư, giáo sư mà trong đó mỗi người có ít nhất 3 công trình công bố khoa học liên quan đến nội dung luận văn với học viên được chấp nhận đăng trong danh mục do Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước quy định trong 5 năm trở lại đây. Người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 10 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài có thể tham gia là ủy viên hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ theo định hướng ứng dụng;

- b) Chủ tịch hội đồng là người có năng lực chuyên môn và uy tín khoa học, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của hội đồng;
- c) Người phản biện phải là người am hiểu sâu sắc lĩnh vực của đề tài luận văn;
- d) Người có quan hệ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với người bảo vệ luận văn không tham gia hội đồng;
- đ) Thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan trong việc nhận xét, đánh giá luận văn theo quy định tại Khoản 1, Điều 22 Quy định này.

4. Hội đồng họp để đánh giá luận văn trong thời hạn tối đa 60 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thành lập hội đồng. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận văn trong các trường hợp sau: vắng mặt chủ tịch hoặc thư ký hội đồng; vắng mặt người có ý kiến không tán thành luận văn; vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên.

Trong trường hợp có lý do khách quan, Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều này và thời hạn tổ chức họp hội đồng đánh giá luận văn được tính từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng.

Điều 22. Đánh giá luận văn

1. Luận văn được đánh giá công khai tại phiên họp của hội đồng (trừ một số đề tài thuộc lĩnh vực bảo mật theo quy định của cơ quan có thẩm quyền). Hội đồng tập trung chủ yếu vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn; mức độ đáp ứng yêu cầu đối với luận văn theo quy định tại Khoản 2, Điều 19 Quy định này; đảm bảo đánh giá đúng kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề mà đề tài luận văn đặt ra.

2. Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn tối đa 9 điểm và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1 điểm cho những luận văn mà học viên đã có bài báo khoa học liên quan được chấp nhận đăng trên danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành có chỉ số ISSN hoặc đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện hoặc đề tài ứng dụng đã được nơi ứng dụng xác nhận bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên.

3. Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để bảo vệ lần thứ hai tối thiểu sau 3 tháng và tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày bảo vệ luận văn lần thứ nhất; không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba. Nếu học viên có nguyện vọng thì Khoa/Bộ môn đề xuất Hiệu trưởng giao đề tài mới. Trong trường hợp này, không tổ chức bảo vệ lại nếu luận văn không đạt yêu cầu. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 4 Quy định này. Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, tổ chức đánh giá lại, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

4. Luận văn bảo vệ thành công được phép sửa chữa bổ sung trong thời gian tối đa 45 ngày.

Điều 23. Thẩm định luận văn

1. Thành lập hội đồng thẩm định

Khi có đơn tố cáo đúng quy định của Luật Tố cáo, có căn cứ rõ ràng cho thấy luận văn không đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 19 Quy định này hoặc khi thấy cần thiết, thủ trưởng cơ sở đào tạo thành lập hội đồng thẩm định luận văn. Số lượng, yêu cầu đối với thành viên hội đồng thẩm định luận văn theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 21 Quy định này; trong đó, nếu có thành viên thuộc cơ sở đào tạo thì tối đa không quá hai người; thành viên hội đồng thẩm định không trùng với hội đồng đánh giá luận văn.

2. Thẩm định luận văn

a) Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài luận văn, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của luận văn, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn thạc sĩ;

b) Việc thẩm định luận văn được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 22 Quy định này;

c) Tác giả luận văn, người hướng dẫn, thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham dự phiên họp của hội đồng thẩm định nhưng được cơ sở đào tạo thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

3. Xử lý kết quả thẩm định luận văn không đạt yêu cầu

Nếu hội đồng thẩm định kết luận luận văn không đạt yêu cầu thì Hiệu trưởng dừng việc bảo vệ luận văn trước Hội đồng, dừng cấp bằng hoặc thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ đã cấp (nếu có) do học viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp. Những trường hợp luận văn không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

a) Trường hợp chưa bảo vệ lại luận văn, đề tài vẫn cần thiết nghiên cứu thì học viên được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại luận văn trước hội đồng thẩm định theo quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 22 Quy định này. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 4 Quy định này thì học viên được gia hạn tối đa không quá 3 tháng;

b) Trường hợp đã bảo vệ lại luận văn hoặc đề tài không cần thiết tiếp tục nghiên cứu, nếu học viên có nguyện vọng thì Khoa/Bộ môn đề xuất Hiệu trưởng giao đề tài mới. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 4 Quy định này thì học viên được thực hiện đề tài mới trong thời gian tối đa 12 tháng. Việc tổ chức đánh giá luận văn thực hiện theo các quy định tại Khoản 2, Điều 20; Điều 21 và các khoản 1, 2, 4 Điều 22 Quy định này;

c) Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

Điều 24. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Nghỉ học tạm thời: Học viên có thể viết đơn gửi cơ sở đào tạo đề nghị được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

a) Bị ốm đau hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này học viên phải học ít nhất một học kỳ ở cơ sở đào tạo;

b) Thời gian nghỉ học tạm thời được tính trong thời gian đào tạo (ngoại trừ trường hợp được điều động vào lực lượng vũ trang và nghỉ hộ sản). Học viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại cơ sở đào tạo, phải có đơn gửi cơ sở đào tạo trong thời gian đăng ký học của học kỳ liên quan;

Thời gian nghỉ học tạm thời cho các trường hợp khác là thời gian cần thiết theo nhu cầu, nguyện vọng của học viên nhưng thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại Khoản 2, Điều 4 của Quy định này;

2. Chuyển từ cơ sở đào tạo khác đến Trường ĐH KHXH&NV và chuyển từ Trường ĐH KHXH&NV đến các cơ sở đào tạo khác:

a) Học viên không được phép chuyển cơ sở đào tạo khi:

- Đang thực hiện luận văn thạc sĩ;
- Đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

b) Học viên được phép chuyển cơ sở đào tạo khi đáp ứng các điều kiện:

- Xin chuyển đến cơ sở đào tạo có cùng chuyên ngành đào tạo;
- Được sự đồng ý của thủ trưởng cơ sở đào tạo nơi chuyển đi và nơi chuyển đến.

c) Thủ tục chuyển cơ sở đào tạo

- Học viên xin chuyển cơ sở đào tạo phải làm hồ sơ xin chuyển theo quy định hiện hành;

- Thủ trưởng cơ sở đào tạo nơi chuyển đến ra quyết định tiếp nhận học viên, quyết định công nhận một phần hoặc toàn bộ các học phần mà học viên đã học, quyết định số học phần phải học bổ sung. Số tín chỉ được công nhận tối đa là 50% tổng số tín chỉ yêu cầu tích lũy đối với chương trình đào tạo liên quan của cơ sở đào tạo nơi chuyển đến.

Điều 25. Điều kiện tốt nghiệp, cấp bằng điểm, cấp bằng thạc sĩ

1. Điều kiện tốt nghiệp

a) Hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 8 của Quy định này;

b) Đủ điều kiện ngoại ngữ quy định tại Khoản 4, Điều 9 Quy định này;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 27 của Quy định này.

2. Kết thúc khóa học, Hiệu trưởng ra quyết định cấp bằng thạc sĩ và bằng điểm cho học viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hồ sơ cấp bằng thạc sĩ gồm:

a) Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học;

b) Minh chứng đủ điều kiện ngoại ngữ theo quy định tại Khoản 3, Điều 18 Quy chế này;

c) Bảng điểm học tập toàn khóa;

d) Lý lịch khoa học của học viên;

đ) Hồ sơ bảo vệ luận văn gồm: biên bản của Hội đồng chấm luận văn, nhận xét của các cán bộ phản biện, biên bản kiểm phiếu và các phiếu chấm điểm;

e) Các hồ sơ khác theo quy định.

3. Bảng điểm cấp cho học viên phải liệt kê đầy đủ: loại chương trình đào tạo; tên các môn học và số tín chỉ tích lũy; điểm tổng kết môn học; tên đề tài luận văn, số tín chỉ, điểm luận văn và danh sách Hội đồng chấm luận văn; điểm trung bình tích lũy ngành đào tạo.

4. Điểm trung bình tích lũy ngành là trung bình cộng tính theo hệ số (số tín chỉ môn học) của tất cả các điểm tổng kết môn học thuộc chương trình đào tạo ngành liên quan (kể cả các môn học được bảo lưu, miễn học, miễn thi). Điểm trung bình tích lũy ngành được tính theo thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

Điều 26. Xử lý học vụ buộc thôi học

Sau mỗi học kỳ, Khoa/Bộ môn đề xuất Hiệu trưởng ra quyết định buộc thôi học và xóa tên học viên khỏi danh sách học viên cao học, nếu học viên vi phạm một trong các qui định như sau:

1. Hết thời gian đào tạo theo qui định ở khoản 2 Điều 4 của Quy định này mà chưa đủ điều kiện tốt nghiệp.

2. Không đăng ký môn học, không có đơn xin nghỉ học tạm thời.

3. Bị kỷ luật do thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 của Quy định này hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách học viên của cơ sở đào tạo.

4. Luận văn thạc sĩ, báo cáo khoa học của học viên sử dụng công trình của tác giả khác đã công bố mà học viên không trích dẫn trong tài liệu tham khảo.

5. Giả mạo các loại giấy tờ (chứng minh, hộ khẩu, hộ chiếu, văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận hoặc các giấy tờ chứng nhận khác của cơ quan nhà nước, của tổ chức hoặc sửa chữa làm sai lệch nội dung của các loại giấy tờ đó và sử dụng vào hành vi trái pháp luật).

6. Các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định theo quy định hiện hành.

Điều 27. Chế độ lưu trữ

a) Tài liệu liên quan đến công tác đào tạo của cơ sở đào tạo được bảo quản an toàn trong kho lưu trữ;

b) Quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại cơ sở đào tạo;

c) Luận văn đã được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện được lưu trữ, bảo quản tối thiểu 30 năm tại Thư viện cơ sở đào tạo kể từ khi học viên tốt nghiệp;

d) Tài liệu khác liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ được lưu trữ, bảo quản tối thiểu 5 năm, kể từ khi học viên học tốt nghiệp;

đ) Việc tiêu hủy tài liệu hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CHƯƠNG IV

NGHĨA VỤ, QUYỀN LỢI CỦA GIẢNG VIÊN VÀ HỌC VIÊN

Điều 28. Giảng viên tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng, được phân công nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc hướng dẫn học viên thực hành, thực tập, thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ.
2. Giảng viên cơ hữu được quy định tại Điều lệ trường đại học.
3. Ngoài các tiêu chuẩn giảng viên đại học quy định tại Điều lệ trường đại học, giảng viên tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết chương trình đào tạo thạc sĩ phải có học vị tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư; giảng viên giảng dạy học phần ngoại ngữ cho các chuyên ngành không chuyên ngôn ngữ nước ngoài, giảng viên giảng dạy học phần triết học hoặc người hướng dẫn thực hành, thực tập phải có học vị thạc sĩ trở lên.
4. Giảng viên thỉnh giảng (ở trong nước và nước ngoài) tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo tiêu chuẩn theo các quy định hiện hành; báo cáo viên (các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nghệ nhân, nghệ sĩ... ở trong nước và nước ngoài) do trường khoa/bộ môn ngành đề xuất.
5. Các trường hợp khác do Hiệu trưởng xem xét quyết định.

Điều 29. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên, trợ lý giảng dạy

1. Nhiệm vụ của giảng viên

- a) Giảng dạy các môn học, các chuyên đề, hướng dẫn thực hành, thực tập;
- b) Hướng dẫn luận văn thạc sĩ;
- c) Tham gia các Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ;
- d) Thường xuyên cập nhật kiến thức mới, cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn giúp đỡ học viên trong học tập, nghiên cứu;
- đ) Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và nội quy của cơ sở đào tạo. Trung thực, khách quan, công bằng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trong đối xử với học viên;
- e) Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc học viên nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập theo yêu cầu của đề tài;
- f) Không được tự tổ chức hoặc thực hiện việc phụ đạo, hướng dẫn ôn tập với mục đích để người học dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ;
- g) Có trách nhiệm phổ biến cho học viên đề cương chi tiết, lịch trình giảng dạy vào giờ lên lớp đầu tiên của môn học.

2. Quyền của giảng viên

- a) Được giảng dạy theo ngành được đào tạo;
- b) Theo quy định điểm b và điểm c Khoản 1 Điều 20 của Quy định này;
- c) Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ;
- d) Từ chối không hướng dẫn học viên và thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo trong các trường hợp: đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định tại Điểm b, c Khoản 1 Điều 20 Quy định này; sau một tháng kể từ ngày nhận quyết định cử người hướng dẫn

mà học viên không liên hệ hoặc học viên không tuân thủ sự hướng dẫn hoặc không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng;

đ) Xác nhận kết quả nghiên cứu và duyệt luận văn của học viên; đề nghị và chịu trách nhiệm về việc đề nghị cơ sở đào tạo cho học viên bảo vệ luận văn nếu thấy đáp các ứng yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 19 Quy định này;

e) Được hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học với điều kiện bảo đảm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ nơi mình công tác;

f) Được hưởng các chính sách đối với giảng viên trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định của Nhà nước và của cơ sở đào tạo;

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ của trợ lý giảng dạy

a) Chịu sự phân công của giảng viên phụ trách trực tiếp và chịu trách nhiệm trước giảng viên và nhà trường đối với công việc được giao;

b) Thực hiện bất kỳ hoặc tất cả các công việc sau nếu được phân công:

- Dự giờ tất cả hoặc một số buổi để hỗ trợ giảng viên hướng dẫn học viên trong giờ học, làm bài tập trên lớp;

- Chủ động hẹn gặp và làm việc ngoài giờ học của học viên, với từng cá nhân hoặc nhóm học viên chưa hiểu bài đã được giảng trên lớp, hoặc vắng mặt buổi học trên lớp trước đó để giúp học viên có thể nắm bắt kịp nội dung đã học;

- Phụ đạo, hướng dẫn sửa bài tập, ôn tập cho học viên ngoài giờ hoặc online;

- Phụ trách một số nhóm nhỏ học viên làm tiểu luận, tổ chức thảo luận, báo cáo tiểu luận... cho học viên;

- Chấm bài tập về nhà, tiểu luận... của học viên khi được giảng viên phân công;

- Chuẩn bị bài giảng cho giảng viên phụ trách;

- Photocopy và phân phát tài liệu cho học viên;

- Gửi file tài liệu học tập cho học viên thông qua email của lớp, thông qua các đường link hoặc dưới các hình thức khác.

c) Nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật, các quy định của cơ sở đào tạo.

4. Quyền của trợ lý giảng dạy

a) Được huấn luyện để trở thành trợ lý giảng dạy và được tham gia vào quá trình đào tạo để tích lũy kinh nghiệm, nâng cao trình độ;

b) Được cơ sở đào tạo trả tiền công cho quá trình làm trợ lý giảng dạy tại cơ sở đào tạo;

c) Được thủ trưởng cơ sở đào tạo cấp giấy chứng nhận đã tham gia làm trợ lý giảng dạy tại cơ sở đào tạo.

Điều 30. Nhiệm vụ và quyền của học viên

1. Nhiệm vụ của học viên

a) Thực hiện kế hoạch học tập, chương trình học tập, nghiên cứu khoa học... trong thời gian quy định của cơ sở đào tạo;

b) Trung thực trong học tập, nghiên cứu khoa học;

c) Đóng học phí theo quy định;

d) Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên của cơ sở đào tạo, không dùng bất cứ áp lực nào đối với giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên để có kết quả học tập, nghiên cứu khoa học theo ý muốn chủ quan;

đ) Chấp hành pháp luật của Nhà nước, nội quy của cơ sở đào tạo;

e) Giữ gìn và bảo vệ tài sản của cơ sở đào tạo.

2. Quyền của học viên

a) Được cơ sở đào tạo cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về học tập của mình;

b) Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của cơ sở đào tạo và cơ sở phối hợp đào tạo;

c) Được tham gia hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong cơ sở đào tạo.

Chương V

THANH TRA, KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31. Thanh tra, kiểm tra

1. Phòng Thanh tra – Pháp chế – Sở hữu trí tuệ thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm: quá trình đào tạo, coi thi, chấm thi.... Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được cơ sở đào tạo thông báo cho Khoa/Bộ môn bằng văn bản.

Điều 32. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về hoạt động vi phạm quy chế của cơ sở đào tạo, về gian lận của thí sinh, về sai phạm trong thực hiện chương trình đào tạo, về quá trình tổ chức và quản lý đào tạo.

2. Việc giải quyết khiếu nại tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo hiện hành.

Điều 33. Xử lý vi phạm

1. Xử lý học viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra học phần, làm luận văn

a) Trong khi dự kiểm tra thường kỳ; chuẩn bị tiểu luận, bài tập; thi kết thúc môn học nếu vi phạm quy chế, học viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm như quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Học viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

2. Xử lý vi phạm trong tổ chức, quản lý đào tạo

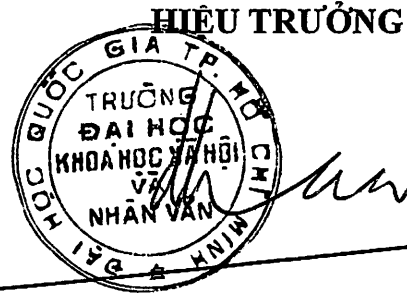
Cá nhân hoặc tổ chức vi phạm một trong các hành vi vi phạm Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu hành vi vi phạm gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Quy định này được áp dụng cho khóa đào tạo trình độ thạc sĩ từ năm 2017.

Điều 35. Các Khoa/Bộ môn tổ chức xây dựng chương trình đào tạo theo Quy định này và báo cáo về Trường ĐH KHXH&NV trước 30/8/2017.

Điều 36. Căn cứ tình hình thực tế, Hiệu trưởng xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy định này.



PGS.TS. Võ Văn Sen

Phụ lục I
Chuẩn ngoại ngữ đầu ra
của các chương trình đào tạo thạc sĩ tại Trường ĐH KHXH&NV
(Kèm theo Quyết định số 725/QĐ-XHNV-SĐH, ngày 15 tháng 8 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường ĐH KHXH&NV)

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng, có bằng tốt nghiệp các chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài là một trong sáu ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ được quy định tối thiểu cấp độ B1 theo Phụ lục I của Quy chế này, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc được ĐHQG-HCM cho phép hoặc công nhận. Thủ trưởng cơ sở đào tạo phải thẩm định và chịu trách nhiệm về tính xác thực của chứng chỉ ngoại ngữ trước khi công nhận tương đương. Cụ thể:

1. Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	VNU-EPT
B1	4.5	450 PBT/ITP 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	201

2. Một số tiếng khác:

Cấp độ (CEFR)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
B1	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau B1	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N3

Ghi chú:

- Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được.
- Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, cơ sở đào tạo sẽ gửi đến ĐHQG-HCM cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.
- Thời gian công nhận chứng chỉ: bất kỳ thời điểm nào trong thời gian đào tạo với điều kiện chứng chỉ còn hạn 2 năm từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra.
- Đối với khoá tuyển năm 2017: nếu người học sử dụng các chứng chỉ TOEFL, TOEIC với số điểm như trên, để xét công nhận đạt chuẩn tiếng Anh thì phải dự thi đánh giá bổ sung 02 kỹ năng (Nói, Viết) và đạt chuẩn theo quy định của ĐHQG-HCM.

3. Các trường hợp khác quy định hiện hành.

Phụ lục II

PHIẾU CHẤM ĐIỂM LUẬN VĂN THẠC SĨ

(Kèm theo Quyết định số 325/QĐ-XHNV-SĐH, ngày 15 tháng 8 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường ĐH KHXH&NV)

- Họ và tên học viên: - Khoá:

- Ngành: - Mã ngành:

- Tên CBHD: - Đơn vị công tác:

- Tên đề tài luận văn:

.....

.....

STT	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	KẾT QUẢ
1	Tính cấp thiết, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu.	1.0	
2	Sự phù hợp giữa tên đề tài và nội dung, giữa nội dung nghiên cứu với ngành và mã số ngành đào tạo.	1.0	
3	Độ tin cậy và tính hiện đại của phương pháp nghiên cứu, nguồn tài liệu đã sử dụng.	1.5	
4	Tính hợp lý về bố cục của luận văn.	1.0	
5	Ưu điểm và những đóng góp của luận văn thể hiện qua nội dung nghiên cứu.	2.5	
6	Hình thức luận văn: hình thức trình bày, cách hành văn.	1.0	
7	Báo cáo trước Hội đồng: tự tin, rõ ràng, mạch lạc, trả lời câu hỏi của Hội đồng.	1.0	
8	Thành tích nghiên cứu khoa học: - Học viên học chương trình định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng có ít nhất 01 công bố khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí chuyên ngành có chỉ số ISSN hoặc kỷ yếu hội thảo chuyên ngành có phân biện hoặc đề tài ứng dụng đã được chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu. - Học viên học chương trình nghiên cứu có ít nhất 02 công bố khoa học, trong đó 01 công bố được chấp nhận đăng trong danh mục do Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước quy định và 01 công bố được chấp nhận đăng trên tạp chí chuyên ngành có chỉ số ISSN hoặc kỷ yếu hội thảo chuyên ngành có phân biện hoặc đề tài ứng dụng đã được chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu.	1.0	
TỔNG CỘNG		10	

- Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của Hội đồng chấm từ 5.5 trở lên.

Phụ lục III

HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY LUẬN VĂN

*(Kèm theo Quyết định số 725./QĐ-XHNV-SĐH, ngày 15 tháng 8 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường ĐH KHXH&NV)*

1. Cấu trúc của luận văn

a. Phần mở đầu: Trình bày lý do chọn đề tài, mục đích nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu phục vụ nghiên cứu, lịch sử nghiên cứu vấn đề, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, đóng góp của đề tài.

b. Nội dung

Trình bày các chương. Số chương mỗi luận văn tùy thuộc vào từng chuyên ngành và đề tài nghiên cứu, cụ thể:

Những nghiên cứu lý thuyết và phương pháp luận: Trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận, giả thuyết khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học đã được sử dụng trong luận văn.

Trình bày, đánh giá, bàn luận các kết quả: Mô tả ngắn gọn công việc nghiên cứu khoa học đã tiến hành, các số liệu nghiên cứu khoa học hoặc số liệu thực nghiệm. Phần bàn luận phải căn cứ vào các dẫn liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của đề tài luận văn hoặc đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo.

Khuyến nghị những nghiên cứu tiếp theo: Trên cơ sở những kết luận rút ra từ nghiên cứu, đánh giá thực tế đưa ra các dự báo và đề xuất, khuyến nghị để hướng đến việc giải quyết các vấn đề đặt ra trong phạm vi nội dung, đối tượng nghiên cứu của đề tài cũng như những vấn đề có liên quan.

c. Kết luận

Trình bày những kết quả nghiên cứu và phát hiện chính của luận văn một cách ngắn gọn, chỉ ra những giới hạn mà luận văn chưa giải quyết được và khuyến nghị về hướng nghiên cứu tiếp theo.

d. Danh mục công trình công bố của tác giả: Liệt kê các bài báo, công trình đã công bố của tác giả liên quan đến nội dung đề tài, theo trình tự thời gian công bố.

e. Danh mục tài liệu tham khảo

f. Phụ lục

2. Về trình bày

Luận văn phải được trình bày rõ ràng, mạch lạc, không được tẩy xóa. Luận văn có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị theo quy định. Tác giả luận văn cần có lời cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực. Luận văn được đóng bìa cứng, in chữ nhũ đủ dấu tiếng Việt, sau bìa cứng có trang bìa phụ.

2.1. Soạn thảo văn bản

Luận văn sử dụng hệ chữ Times New Roman, cỡ chữ 13 của hệ soạn thảo Winword; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; giãn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3,5cm; lề dưới 3cm; lề trái 3,5cm; lề phải 2cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang giấy. Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề bên trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.

Luận văn được in trên một mặt giấy trắng khổ A4 (210x297mm), dày không quá 100 trang đối với chương trình thạc sĩ ứng dụng, không quá 150 trang đối với chương trình thạc sĩ nghiên cứu và định hướng nghiên cứu, không kể phụ lục.

2.2. Tiểu mục

Các tiểu mục của Luận văn được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm bốn chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ 3.4.2.1 chỉ tiểu mục 1 nhóm tiểu mục 2 mục 4 chương 3). Tại mỗi nhóm tiểu mục phải có ít nhất hai tiểu mục. Nghĩa là không thể có tiểu mục 3.1.1 mà không có tiểu mục 3.1.2 tiếp theo.

2.3. Bảng biểu, hình vẽ

Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ phải gắn với số chương; ví dụ Hình 2.5 có nghĩa là hình thứ 5 trong Chương 2. Mọi đồ thị, bảng biểu lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ; ví dụ “Nguồn: Đại học Quốc gia TP HCM 2003”. Nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong danh mục Tài liệu tham khảo. Đầu đề của bảng biểu ghi phía trên bảng, đầu đề của hình vẽ ghi phía dưới hình. Thông thường, những bảng ngắn và đồ thị nhỏ phải đi liền với phần nội dung đề cập tới các bảng và đồ thị này ở lần thứ nhất. Các bảng dài có thể để ở những trang riêng, nhưng cũng phải tiếp theo ngay phần nội dung đề cập tới bảng này ở lần đầu tiên.

Trong luận văn, các hình vẽ phải được vẽ sạch sẽ bằng mực đen để có thể sao chụp lại; có đánh số và ghi đầy đủ đầu đề; cỡ chữ phải bằng cỡ chữ sử dụng trong văn bản luận án. Khi đề cập đến các bảng biểu và hình vẽ phải nêu rõ số của hình và bảng biểu đó. Ví dụ: “...được nêu trong Bảng 3.1” hoặc (Xem hình 4.2) mà không được viết “...được nêu trong bảng dưới đây”.

2.4. Viết tắt

Không lạm dụng việc viết tắt trong luận văn. Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong luận văn. Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong luận văn. Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên cơ các cơ quan, tổ chức... thì được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu luận văn có nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu luận văn.

2.5. Tài liệu tham khảo và cách trích dẫn

Mọi ý kiến, khái niệm có ý nghĩa, mang tính chất gợi ý không phải của riêng tác giả và mọi tham khảo khác phải được trích dẫn và chỉ rõ nguồn trong danh mục Tài liệu tham khảo của luận văn. Phải nêu rõ cả việc sử dụng những đề xuất hoặc kết quả của đồng tác giả. Nếu sử dụng tài liệu của người khác và của đồng tác giả (bảng biểu, hình vẽ, đồ thị, ý tưởng...) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận văn không được duyệt để bảo vệ.

Cách trình bày tài liệu tham khảo, trích dẫn được thực hiện theo văn bản quy định của Phòng Thanh tra – Pháp chế – Sở hữu trí tuệ, hoặc trích dẫn theo chuẩn APA (American Psychological Association).

2.6. Phụ lục của luận văn

Phần này bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ cho nội dung luận án như số liệu, mẫu biểu, tranh ảnh... Nếu luận văn sử dụng những câu trả lời cho một bảng hỏi/bảng khảo sát thì bảng câu hỏi mẫu này phải được đưa vào phần Phụ lục ở dạng nguyên bản đã dùng để điều tra, thăm dò ý kiến; không được tóm tắt hoặc sửa đổi. Các tính toán mẫu trình bày tóm tắt trong bảng biểu cũng cần nêu trong Phụ lục của luận văn. Phụ lục không được dày hơn phần chính của luận án.

<p>HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ LUẬN VĂN</p> <p>CHUYÊN NGÀNH</p> <p>KHOA</p>	<p>ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN -----</p> <p>HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ LUẬN VĂN</p> <p>TÊN ĐỀ TÀI LUẬN VĂN</p> <p>LUẬN VĂN THẠC SĨ (ghi chuyên ngành của học vị được công nhận)</p> <p>TP HỒ CHÍ MINH – Năm</p>
--	---

MẪU TRANG PHỤ BÌA LUẬN VĂN

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ LUẬN VĂN

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN VĂN

Chuyên ngành :
Mã số:

LUẬN VĂN THẠC SĨ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1.
- 2.

(ghi rõ học hàm học vị)

TP HỒ CHÍ MINH – Năm